

Nhân tố ảnh hưởng ý định khởi nghiệp của sinh viên kỹ thuật xây dựng, Trường Đại học Kỹ thuật-Công nghệ Cần Thơ

NGUYỄN MINH TÂN ^{1, *}, NGUYỄN THỊ YẾN NHI ² & ĐÌNH VŨ LONG ³

^{1,2} Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

³ Trường Đại học Tây Đô

Nhận bài: 15/09/2022 - Duyệt đăng: 15/12/2022

(*) Liên hệ: nmtan@ctu.edu.vn - ĐT: 0919.000.757

Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên vừa tốt nghiệp ngành kỹ thuật xây dựng, trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Dữ liệu khảo sát được thu thập từ 106 sinh viên năm ba và năm cuối tại trường. Phương pháp kiểm định Cronbach's alpha, phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính bội được sử dụng để kiểm tra mối tương quan giữa các yếu tố và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên bao gồm thái độ, yếu tố ngoại cảnh và kiến thức đại học.

Từ khóa: Ý định khởi nghiệp, sinh viên năm ba và năm cuối, kỹ thuật xây dựng.

Abstract:

This study aims to discover factors affecting start-up intention of students who just graduated from construction engineering department of Cantho University of Technology. The survey data was collected from 106 third and final-year students at school. Cronbach's alpha test method, exploratory factor analysis, and multiple linear regression were used to test the relationship between factors and start-up intention. The research results showed that factors affect students' start-up intention, including attitude, external factors, and university knowledge.

Keywords: Start-up intention, third and final year students, construction engineering.

1. Giới thiệu

Ngày nay với sự phát triển nhanh chóng của nền tri thức khoa học công nghệ cao, kinh tế thế giới phát triển theo xu hướng toàn cầu hóa, hiện đại hóa với nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ được ứng dụng trong thực tiễn đời sống con người. Tuy nhiên, sự phát triển của nền tảng khoa học, công nghệ đó dẫn đến sự thay thế lao động chân tay bằng các trang thiết bị hiện đại nhiều hơn, từ đó tình trạng thất

nghiệp ngày càng tăng. Song song đó, vấn đề tự khởi nghiệp của sinh viên mới tốt nghiệp ở Việt Nam đang được quan tâm nhiều hơn. Cùng với xu thế chung của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có thành phố Cần Thơ, tại trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (ĐH KTCN CT) vấn đề khởi nghiệp của sinh viên mới ra trường vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Đặc biệt, hiện nay trong lĩnh vực xây dựng vẫn còn là dấu

chấm hỏi cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Phần lớn các sinh viên của khoa Kỹ thuật xây dựng sau khi tốt nghiệp luôn có nhu cầu tìm việc tại một doanh nghiệp nào đó để làm việc, chưa có sinh viên nào đặt vấn đề tự sáng tạo những điểm mới trong ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào khởi nghiệp theo cách riêng biệt. Khi đó, vấn đề đặt ra hiện nay là sinh viên của khoa xây dựng tại trường có những ứng dụng nào trong công nghệ để phát triển sự

ngành cho riêng mình hay cho một doanh nghiệp nào đó mà mong muốn cống hiến trí tuệ, công sức để phát triển sự nghiệp một cách sáng tạo nổi bật hơn. Đồng thời, cần phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp (YĐKN) của sinh viên khoa Kỹ thuật xây dựng, trường ĐH KTCN CT, nhằm có cách nhìn tổng thể về vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, trên cơ sở đó giúp đưa ra một số giải pháp hỗ trợ cho sinh viên của khoa KTXD.

2. Nội dung

2.1 Lý thuyết về ý định khởi nghiệp

Ý định khởi nghiệp của sinh viên là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Nghiên cứu này tiếp cận dựa trên nền tảng lý thuyết về ý định khởi nghiệp của Schwarz và cộng sự (2009), khi đó ý định khởi nghiệp của sinh viên xuất phát từ các ý tưởng của sinh viên và được định hướng đúng đắn từ chương trình giáo dục và những người đào tạo. Bên cạnh đó, Kuckertz và Wagner (2010) cho rằng YĐKN của sinh viên là YĐKN của một cá nhân bắt nguồn từ việc họ nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp của riêng mình. Ngoài ra, theo lý thuyết của Krueger và cộng sự (2000) thì YĐKN đưa ra tín hiệu một cá nhân đã chuẩn bị như thế nào và nỗ lực ra sao cho cam kết thành lập doanh nghiệp mới.

2.2 Cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp

Ý định khởi nghiệp của sinh viên chịu tác động bởi nhiều yếu tố và theo các khía cạnh khác

nhau. Theo Hong et al. (2012), chất lượng khởi nghiệp của sinh viên liên quan tới chương trình giáo dục khởi nghiệp, nó làm giàu kiến thức về khởi nghiệp và làm phát triển các kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên. Theo Sesen (2013), văn hóa quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập và sử dụng vốn xã hội. Vì vậy, ở mỗi quốc gia khác nhau thì YĐKN của sinh viên sẽ khác nhau. Mặt khác, nghề nghiệp của cha mẹ có ảnh hưởng đến sự chọn lựa nghề nghiệp của con cái, cha mẹ tự kinh doanh là tấm gương điển hình về khởi nghiệp và thúc đẩy YĐKN, cha mẹ làm việc cho các khu vực công không phải là tấm gương khởi nghiệp cho con và cản trở YĐKN (Perera et al., 2011). Bên cạnh đó, nhu cầu thành đạt, khao khát được độc lập, đạt được mục tiêu tác động đến YĐKN của sinh viên (Shane et al., 2003). Ngoài ra, các tính cách như chấp nhận rủi ro, niềm tin vào năng lực bản thân, kiểm soát bản thân, chịu đựng sự mơ hồ, đam mê, nỗ lực, có tầm nhìn có mối quan hệ với YĐKN của sinh viên (Shane et al., 2003). Bên cạnh đó, sẵn sàng đổi mới, chủ động, niềm tin vào năng lực bản thân, chịu được áp lực, nhu cầu tự chủ, kiểm soát bản thân có ảnh hưởng tích cực đến việc tạo lập doanh nghiệp và kinh doanh thành công (Boissin et al., 2009). Tư duy khởi nghiệp là khả năng trở nên năng động, linh hoạt và tự điều chỉnh trong nhận thức của một người để thích ứng với môi trường không chắc chắn và năng động (Haynie et al., 2010). Mặt khác, về thái độ, dựa trên nền tảng lý thuyết hành vi hoạch định (TPB) của Ajzen (1991) các

yếu tố tác động đến YĐKN của sinh viên cho thấy thái độ hướng đến khởi nghiệp và đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi điều tác động tích cực đến YĐKN của sinh viên Wu et al, (2008). Ngoài ra, thái độ hướng đến khởi nghiệp và nhận thức của bản thân điều tác động tích cực đến dự định khởi nghiệp của sinh viên (Boissin et al, 2009). Tiếp đến, thái độ đối với khởi nghiệp và đánh giá kiểm soát liên quan đến hành vi có tác động tích cực đến YĐKN (Yurtkoru et al, 2014).

2.3 Một số nghiên cứu có liên quan

Robinson (1987) cho rằng suy nghĩ chủ quan tác động đến YĐKN của sinh viên, sự tự tin và thỏa mãn bản thân là yếu tố quyết định đến YĐKN. Mặt khác, Delmar và Davidsson (2000) cho thấy, khởi nghiệp còn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố nổi bật như là trình độ học thức, sự giáo dục và yếu tố cá nhân. Nghiên cứu ở góc độ sâu xa hơn, Mair và Noboa (2006) đã chỉ ra hướng tiếp cận chính về YĐKN gồm: chương trình giáo dục, môi trường tác động và bản thân người học (động cơ, tính cách, tư duy, thái độ, giới tính). Ngoài ra, Zain và cộng sự (2010) cho thấy, các yếu tố: tham gia các khóa học kinh doanh, ảnh hưởng từ truyền thống kinh doanh của các thành viên trong gia đình, đặc điểm cá nhân đều ảnh hưởng đến start-up của sinh viên kinh tế ở Malaysia. Fatoki (2010) đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến khởi sự doanh nghiệp của các bạn sinh viên bao gồm: việc làm; quyền tự chủ; sáng tạo; kinh tế và nguồn vốn; những trở ngại cho mục đích kinh doanh của sinh viên tốt

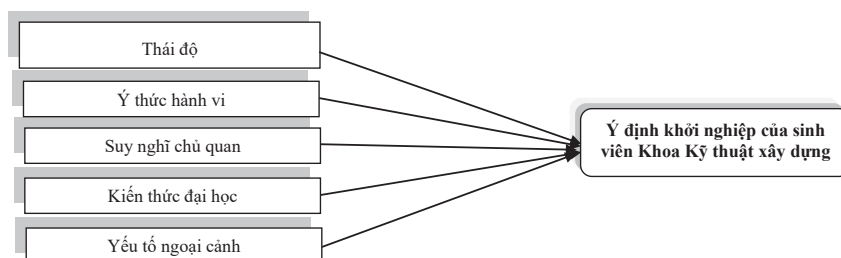
nghiệp là: nguồn vốn, kỹ năng, sự hỗ trợ. Wang và cộng sự (2011) đã chỉ ra các yếu tố cụ thể ảnh hưởng đến khởi sự doanh nghiệp của sinh viên bao gồm: sự ham muốn kinh doanh; sự sẵn sàng kinh doanh; kinh nghiệm làm việc; nền tảng kinh doanh của gia đình; đạo đức kinh doanh có tác động trực tiếp đến ý định khởi sự doanh nghiệp của các bạn sinh viên. Thêm vào đó, Perera và cộng sự (2011) cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến khởi sự doanh nghiệp của sinh viên bao gồm: yếu tố xã hội; yếu tố tâm lý; yếu tố kinh tế; yếu tố chính trị, pháp lý. Ngoài ra, Chand và Ghorbani (2011) và Pruett và cộng sự (2009) cho thấy, còn có một số yếu tố khác tác động đến YĐKN của sinh viên, như là yếu tố ngoại cảnh, môi trường: sự ủng hộ của gia đình, tấm gương khởi nghiệp, văn hóa quốc gia, vốn xã hội và yếu tố xã hội. Nghiên cứu của Francisco và cộng sự (2011) cũng cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng chính đến YĐKN của sinh viên như là sự sẵn sàng kinh doanh, thái độ cá nhân; hoạch định, liên minh và hình thành nhân viên; sự tăng trưởng - chia khóa cho sự thành công; sự ưu tiên cho các công việc có ích là những nhân tố tác động đến ý định start-up của sinh viên đại học ở Tây Ban Nha.

2.4 Mô hình nghiên cứu

2.4.1 Mô hình nghiên cứu lý thuyết

Trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu có liên quan, mô hình nghiên cứu lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến YĐKN của sinh viên khoa Kỹ thuật xây dựng, trường ĐH KTCN CT được đề xuất như sau:

Hình 1: Mô hình nghiên cứu lý thuyết đề xuất



Nguồn: Tác giả tổng hợp, năm 2020

Bảng 1: Kết quả xoay nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố			
	F1	F2	F3	F4
YTHV5	0,827			
YTHV6	0,826			
YTHV8	0,712			
YTHV9	0,689			
YTNC19		0,843		
YTNC17		0,804		
YTNC18		0,789		
YTNC16		0,653		
THAIDO2			0,892	
THAIDO1			0,845	
THAIDO3			0,787	
THAIDO4			0,762	
KTĐH13				0,894
KTĐH14				0,865
Eigenvalue			1,152	
Phương sai trích (%)			87,264	
Hệ số KMO			0,826	
Mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett			0,000	
Số quan sát			106	

Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát 106 sinh viên khoa KTXD, năm 2022.

2.4.2 Mô hình nghiên cứu thực nghiệm

Phân tích hồi quy tuyến tính bội được thực hiện nhằm kiểm định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến YĐKN của sinh viên khoa KTXD. Khi đó, mô hình nghiên cứu được viết dưới dạng như sau:

$$Y (\text{YĐKN}) = \beta_0 + \beta_1 F_1 + \beta_2 F_2 + \dots + \beta_k F_k \quad (1)$$

Trong đó: Y (YĐKN): là biến phụ thuộc về ý định khởi nghiệp của sinh viên khoa KTXD, Y là giá trị trung bình của các biến quan sát thuộc nhân tố “Ý định khởi nghiệp”.

F1, F2,..., Fk: là các biến độc lập được hình thành từ các nhân tố được rút trích (k tương ứng với số lượng nhân tố).

β_0 : là giá trị ước lượng của Y khi k biến F có giá trị bằng 0.

$\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_k$: là các hệ số hồi quy.

2.4.3 Số liệu nghiên cứu

Theo Nguyễn Đình Thọ (2011), đối với nghiên cứu sử dụng phương

pháp phân tích nhân tố khám phá thì kích thước mẫu tối thiểu là 50 và tỷ lệ số quan sát/biến quan sát là 5:1, tức là 1 biến quan sát cần có số lượng quan sát là 5. Do vậy, với 21 biến quan sát được xây dựng trong bảng câu hỏi về thang đo ý định khởi nghiệp của sinh viên, nghiên cứu này cần thực hiện với cỡ mẫu tối thiểu là $21 \times 5 = 105$ quan sát. Tuy nhiên, tổng số phiếu khảo sát thu thập được là 106.

2.5 Kết quả nghiên cứu

2.5.1 Kết quả xoay nhân tố

Sau khi thực hiện kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's alpha, từ 21 biến quan sát được đề xuất ban đầu còn lại 17 biến quan sát đạt tiêu chuẩn. Kết quả xoay nhân tố đối với 17 biến quan sát đủ điều kiện sau bước kiểm định Cronbach's alpha thể hiện qua Bảng 1.

Kết quả phép xoay nhân tố thỏa mãn điều kiện các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5. Hệ số KMO = 0,826 > 0,5. Hệ số Sig. = 0,000 < 0,005 của kiểm định Bartlett và trị số phương sai trích đạt 87,264% lớn hơn 50%. Bên cạnh đó, tiêu chí Eigenvalue = 1,152 > 1, giá trị này cho chúng ta biết kết quả xoay nhân tố cho phép chúng ta dừng lại ở nhân tố thứ tư (F1 - F4). Kết quả xoay nhân tố ở Bảng 1 cho thấy, có 04 nhân tố mới được hình thành với tổng số biến quan sát là 14 biến (các biến SNCQ10; SNCQ11; SNCQ12 bị loại do có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0,5).

2.5.2 Kết quả hồi quy tuyến tính bội

Sau khi rút trích được các nhân tố (F1 - F4) và nhân tố Ý định khởi nghiệp (Y), các biến độc lập (F1 - F4) được đưa vào

Bảng 2: Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Biến	Hệ số B	Hệ số Beta chuẩn hóa	Sai số chuẩn	Mức ý nghĩa	VIF
F1: Ý thức hành vi	0,011	0,016	0,034	0,756	1,310
F2: Yếu tố ngoại cảnh	0,102	0,122	0,036	0,006***	1,434
F3: Thái độ	0,635	0,547	0,043	0,000***	1,211
F4: Kiến thức đại học	0,246	0,342	0,026	0,000***	1,143
Hệ số chặn	0,086		0,233	0,726	
Hệ số F			59,912		
Mức ý nghĩa của mô hình (Sig.)			0,000		
R ²			0,436		

Ghi chú: ***: có ý nghĩa thống kê ở mức 1%.

Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát 106 sinh viên khoa KTXD, năm 2022.

mô hình hồi quy theo phương pháp Enter. Kết quả ước lượng mô hình ở Bảng 2.

Nhằm đảm bảo mô hình được sử dụng là phù hợp, trong quá trình phân tích hồi quy, tác giả có kiểm tra các vi phạm của mô hình hồi quy tuyến tính. Chẳng hạn, hiện tượng đa cộng tuyến được kiểm định thông qua hệ số phóng đại phương sai VIF. Kết quả kiểm định bảng 2 cho thấy, hệ số VIF của các biến độc lập đạt từ 1,211 - 1,434, đều nhỏ hơn 2 (điều kiện cần là $VIF < 10$), do đó mô hình không có xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Bên cạnh đó, kết quả kiểm định cho thấy, hệ số F của mô hình là 59,912 với mức ý nghĩa sig. = 0,000 nhỏ hơn mức ý nghĩa $\alpha = 1\%$, điều này có nghĩa là mô hình hồi quy được sử dụng có ý nghĩa ở mức 1%. Hệ số $R^2 = 0,436$, tức là các biến độc lập giải thích được 43,6% ý định khởi nghiệp của sinh viên khoa KTXD tại Trường ĐH KTCN CT.

Kết quả ước lượng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến YĐKN của sinh viên ở Bảng 2 cho thấy, trong 04 biến đưa vào mô hình nghiên cứu, có 03 biến tác động có ý nghĩa thống kê đến YĐKN của sinh viên khoa

KTXD tại Trường ĐH KTCN CT, các biến gồm: F2 (Yếu tố ngoại cảnh); F3 (Thái độ) và F4 (Kiến thức đại học). Trong đó, các biến đều tác động có ý nghĩa ở mức 1% (do mức ý nghĩa sig. < $\alpha = 0,01$). Bên cạnh đó, các biến này đều tác động cùng chiều với YĐKN của sinh viên. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với giả thuyết đặt ra và tương đồng với kết quả nghiên cứu của một số nghiên cứu trước đây như: Ajzen (1991); Pruett & cộng sự (2009); Chand & Ghorbani (2011); Francisco và cộng sự (2011).

Mặt khác, nhân tố F1 (Ý thức hành vi) có mức ý nghĩa sig. > $\alpha = 10\%$, do đó nhân tố này tác động không có ý nghĩa thống kê đến YĐKN của sinh viên khoa KTXD tại Trường ĐH KTCN CT. Kết quả này trái ngược với giả thuyết đặt ra và không tương đồng với một số nghiên cứu trước đây. Vì thế, khi được hỏi ý kiến về YĐKN, những sinh viên này chưa quan tâm nhiều đến nhân tố Ý thức hành vi đa số những sinh viên cho rằng Thái độ đối với YĐKN, Yếu tố ngoại cảnh và Kiến thức đại học tác động nhiều nhất đến YĐKN của sinh viên khoa KTXD.



3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu, có 03 biến tác động có ý nghĩa thống kê đến YĐKN của sinh viên khoa kỹ thuật xây dựng, bao gồm: F2 (Yếu tố ngoại cảnh), F3 (Thái độ) và F4 (Kiến thức đại học). Tất cả các biến đều tác động tích cực đến YĐKN của sinh viên và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Với những yếu tố ảnh hưởng đến YĐKN của sinh viên khoa KTXD là căn cứ đưa ra các giải pháp thiết thực, giúp cải thiện nhiều hơn về vấn đề khởi nghiệp, việc làm cho sinh viên sau khi ra trường, đây là một trong những vấn đề được xã hội, gia đình sinh viên đặc biệt quan tâm. Ý định khởi nghiệp thể hiện khả năng sáng tạo, ý thức và ý tưởng của sinh viên khi ngồi trên ghế nhà trường, có thể nung nấu YĐKN của mình cho tương lai, điều này góp phần giúp cho xã hội được phát triển hơn, trước hết là về khả năng tạo việc làm cho bản thân

và cho cộng đồng xã hội. Qua đó, để nâng cao YĐKN của sinh viên Khoa KTXD sau khi tốt nghiệp, nhà trường cần có những khuyến khích, động viên gia đình tham gia các buổi hội thảo về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, mô tả những ý tưởng có sự sáng tạo của sinh viên với gia đình làm bước đệm khởi nghiệp cho sinh viên. Đồng thời, hỗ trợ tạo nguồn đầu vào và đầu ra cho các sản phẩm khởi nghiệp của sinh viên, khơi dậy niềm đam mê khởi nghiệp cho sinh viên, thúc đẩy ý tưởng khởi nghiệp nhiều hơn●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
- Anderson, J. C., & Gerbing, D. W. (1988). Structural Equation Modeling in Practice: A Review and Recommended Two-Step Approach. *Psychological Bulletin*, 103(3), 411-423. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.103.3.411>.
- Arasteh, H., Enayati, T., Zameni, F., & Khademloo, A. (2012). Entrepreneurial Personality Characteristics of University Students: A Case Study. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 46, 5736-5740.
- Åstebro, T., Bazzazian, N., & Braguinsky, S. (2012). Startups by recent university graduates and their faculty: Implications for university entrepreneurship policy. *Research Policy*, 41(4), 663-677. doi:10.1016/j.respol.2012.01.004.
- Begley T.M, Tan W. L. (2001). The Socio-cultural environment for entrepreneurship: a comparison between East Asian and Anglo-Saxon countries. *Journal of international business studies*, 32(3), pp 537-547.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu Nghiên cứu với SPSS*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Nguyễn Đình Thọ. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: Thiết kế và thực hiện*. NXB Lao động xã hội.
- Phan Anh Tú và Giang Thị Cẩm Tiên. (2015). Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp: trường hợp sinh viên khoa kinh tế và quản trị kinh doanh trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, số 38, pp. 59-66.